

CHỦ ĐỀ 1
THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH
BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

Câu 1. Nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới sau chiến tranh, Hội nghị I-an-ta (2-1945) có quyết định quan trọng nào sau đây?

- A. Thành lập Ban Thư kí Liên hợp quốc. **B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.**
C. Thành lập tổ chức Hội Quốc liên. D. Duy trì và mở rộng Hội Quốc liên.

Câu 2. Từ tháng 4 đến cuối tháng 6-1945, hội nghị quốc tế 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) đã thông qua nội dung nào sau đây?

- A. Hiệp định đình chiến ở Đông Dương. B. Kết thúc chiến tranh Triều Tiên.
C. Xét xử tội phạm chiến tranh thế giới. **D. Hiến chương Liên hợp quốc.**

Câu 3. “Duy trì hoà bình và an ninh thế giới; thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc, củng cố hoà bình thế giới” là nhiệm vụ chính của tổ chức quốc tế nào sau đây?.

- A. Tổ chức ASEAN. B. Liên minh châu Âu.
C. Liên hợp quốc. D. Tổ chức NATO.

Câu 4. Một trong những cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc (1945) là

- A. Ngân hàng Thế giới. B. Quỹ Nhi đồng.
C. Hội đồng Bảo an. D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

Câu 5. Liên hợp quốc được thành lập (1945) ***không*** nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Hợp tác quốc tế giữa các nước thành viên.
B. Duy trì nền hoà bình và an ninh trên thế giới.
C. Phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
D. Duy trì Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Câu 6. Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc là

- A. tôn trọng các nghĩa vụ và luật pháp quốc tế.**
B. tôn trọng quyết định của 5 nước Ủy viên thường trực.
C. không đưa quân đội Liên hợp quốc vào các khu vực.
D. tôn trọng độc lập của 50 nước sáng lập Liên hợp quốc.

Câu 7. Từ khi thành lập (1945) đến nay, Liên hợp quốc đã thực hiện được vai trò quan trọng nào sau đây?

- A. Ngăn chặn mọi cuộc chiến tranh, xung đột ở các khu vực.
B. Góp phần vào chấm dứt nạn khủng bố trên toàn cầu.
C. Ngăn chặn không để xảy ra cuộc chiến tranh thế giới mới.
D. Góp phần chấm dứt tình trạng đói nghèo ở châu Phi.

Câu 8. Bản Hiến chương được đánh giá là văn kiện quan trọng hàng đầu của tổ chức Liên hợp quốc vì lí do nào sau đây?

- A. Là cơ sở pháp lí để các nước tham gia Liên hợp quốc.

B. Nêu rõ các mục đích hoạt động của Liên hợp quốc.

C. Quy định các tổ chức, cơ chế hoạt động của Liên hợp quốc.

D. Đề ra các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 9. Những quốc gia nào sau đây đóng vai trò quyết định, đồng thời là sáng lập viên của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Liên Xô, Mỹ và Đức.

B. Liên Xô, Mỹ và Anh.

C. Mỹ, Anh và Trung Quốc.

D. Pháp, Anh và Ba Lan.

Câu 10. Trải qua hơn 70 năm hoạt động (từ 1945), Liên hợp quốc đóng góp vai trò quan trọng trên các lĩnh vực, nhưng **không** có vai trò nào sau đây?

A. Duy trì trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. Ra các văn bản, xây dựng môi trường thuận lợi thúc đẩy hợp tác quốc tế.

C. Thúc đẩy quá trình giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa.

D. Làm trung gian hoà giải chấm dứt xung đột và chiến tranh ở các khu vực.

Câu 11. Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc nào sau đây của Hiến chương Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề phức tạp ở Biển Đông hiện nay?

A. Tôn trọng chủ quyền và quyền tự quyết của các nước lớn.

B. Chủ động thương lượng, nhân nhượng để bảo đảm hoà bình.

C. Không cần sự hỗ trợ của các tổ chức ở khu vực và quốc tế.

D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

Câu 12. Trong bối cảnh tồn tại của trật tự thế giới “hai cực Ianta”, (1945 – 1991), nguyên tắc hoạt động nào của Liên hợp quốc có ý nghĩa thực tiễn đối với hòa bình, an ninh thế giới?

A. Chung sống hoà bình và cần có sự nhất trí của 5 cường quốc.

B. Ra nghị quyết yêu cầu các nước dừng việc chạy đua vũ trang.

C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các cường quốc.

D. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự quyết của các cường quốc.

BÀI 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Câu 1. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành bắt nguồn từ những quyết định của

A. Liên Xô và Mỹ ở Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (1945).

B. “Hội nghị giữa ba cường quốc Anh, Mỹ và Liên xô (1945)."

C. Liên Xô, Mỹ, Anh trong Hội nghị Tê-hê-ran (1943).

D Hội nghị Tê-hê-ran (1943) và Hội nghị I-an-ta (1945).

Câu 2. Nội dung nào sau đây là một trong những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

D. Thoả thuận việc phân chia phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Phi.

C. Đồng ý thành lập tổ chức Hội Quốc liên để duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

B. Xây dựng một trật tự thế giới mới nhằm giải quyết các vấn đề hậu chiến tranh.

Câu 3. Theo thoả thuận của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), vùng lãnh thổ nào sau đây ở châu Âu sẽ thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ?

A. Thủ đô Béc-lin.

B. Đông Đức.

C. Đông Âu.

D. Tây Âu.

Câu 4. Theo quyết định của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), vùng ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Á sẽ là

A. phía Bắc vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên. B. Nhật Bản và bán đảo Triều Tiên.

C. phía Nam vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên. D. khu vực Tây Á và Đông Nam Á.

Câu 5. Quyết định nào sau đây của Hội nghị I-an-ta (2-1945) tạo nên những bất lợi cho cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 – 1946?

A. Mỹ được đưa quân vào chiếm đóng lãnh thổ Nhật Bản.

B. Liên Xô có phạm vi ảnh hưởng và kiểm soát ở Đông Nam Á.

C. Quân Anh và quân Trung Hoa Dân quốc vào kiểm soát Đông Dương.

D. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Câu 6. Nhận xét nào sau đây là đúng về tác động của Hội nghị I-an-ta và Hội nghị Pôt-xđam (1945) đối với tình hình quốc tế?

A. Tạo nên một trật tự thế giới mới giữa các nước thắng trận và bại trận.

B. Giải quyết được mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa giữa các cường quốc.

C. Tạo nên khuôn khổ của một trật tự thế giới mới – trật tự đa cực.

D. Làm thay đổi sâu sắc quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ Xô – Mỹ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Một trật tự thế giới mới được thiết lập trên cơ sở hòa bình giữa các nước.

B. Xác lập trật tự thế giới mới của các nước tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu.

C. Hình thành trật tự thế giới hai cực đối lập do Liên Xô và Mỹ đứng đầu mỗi bên.

D. Trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở đồng thuận giữa các nước thắng trận.

Câu 8. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng sự thoả thuận giữa Liên Xô, Mỹ và Anh ở Hội nghị Pôt-xđam (1945) đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, vì

A. khép lại trật tự thế giới cũ và xác lập trật tự thế giới đa cực.

B. các nước tham chiến được hưởng nhiều quyền lợi sau chiến tranh.

C. mở đầu quá trình thất bại của chủ nghĩa thực dân mới ở các thuộc địa.

D. đã dẫn đến việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là nhân tố hàng đầu chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong phần lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX?

A. Các cuộc “chiến tranh nóng” diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới.

B. Xu hướng liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.

C. Cục diện trật tự hai cực, hai phe là tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

D. Sự khủng hoảng của trật tự hai cực là tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 10. Quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển biến từ

A. đối đầu sang đối thoại.

B. đối đầu sang thoả hiệp.

C. đồng minh sang đối đầu.

D. đồng minh sang đối tác.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là tác động của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

A. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

B. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố.

C. Chiến tranh giữa hai miền Triều Tiên.

D. Bức tường Béc-lin chia đôi nước Đức.

Câu 12. Cuộc chiến tranh nào sau đây đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai cực, hai phe là tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa?

A. Cuộc chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên (1950 - 1953).

B. Nội chiến Quốc – Cộng ở Trung Quốc (1946 - 1949).

C. Cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945 - 1954).

D. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam (1954 - 1975).

BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Câu 1. Từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), thế giới phát triển theo một trong những xu thế nào sau đây?

- A. Đa cực, nhiều trung tâm.** C. Thỏa hiệp để ổn định toàn cầu.
B. Lấy chính trị làm nền tảng. D. Hạn chế phổ biến vũ khí hạt nhân.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** phải xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Quốc tế hoá – toàn cầu hoá. B. Đối thoại, hợp tác cùng phát triển.
C. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. **D. Đa quốc gia, đa bản sắc văn hoá.**

Câu 3. Nội dung nào sau đây là xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh được nhân dân các nước hi vọng, mong muốn trở thành hiện thực?

- A. Đa cực, đa phe trong đối ngoại quốc tế. **B. Hoà bình, ổn định để cùng phát triển.**
C. Liên kết và hội nhập giữa các nước lớn. D. Phát triển kinh tế, quân sự là trung tâm.

Câu 4. Từ sau Chiến tranh lạnh, các nước lớn có sự điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp và tránh xung đột trực tiếp, chủ yếu vì lí do nào sau đây?

- A. Hợp tác toàn diện trở thành nội dung căn bản giữa các nước.
B. Từng bước tiến tới giải trừ vũ khí hạt nhân trên thế giới.
C. Muốn có môi trường thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.
D. Cần tập trung vào cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 5. Nhân tố nào sau đây đóng vai trò quyết định để các cường quốc tham gia xác lập trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia, trong đó kinh tế vẫn là trụ cột.**
B. Là 1 trong 5 thành viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
C. Sự ra đời và ngày càng mở rộng của các tổ chức liên kết khu vực.
D. Sức mạnh quân sự của quốc gia với lực lượng quân sự hùng hậu.

Câu 6. Sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia nào sau đây là một trong những trung tâm quyền lực đang vươn lên khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự và chính trị đối với quốc tế?

- A. Nhật Bản và Nam Phi. **B. Trung Quốc và Ấn Độ.**
C. Mỹ, Anh, Xin-ga-po. D. Liên bang Nga và Triều Tiên.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh?

- A. Mỹ vẫn là cường quốc số 1 thế giới, nhưng đã suy giảm so với trước.
B. Bên cạnh Mỹ, nhiều trung tâm quyền lực cũng xuất hiện và phát triển.
C. Các công ty xuyên quốc gia của Mỹ vươn ra chi phối nền kinh tế toàn cầu.
D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò lớn.

Câu 8. Trong bối cảnh quốc tế đang diễn ra theo nhiều xu thế mới với những diễn biến phức tạp, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là

- A. tham gia liên minh chính trị với Mỹ và các nước phương Tây.
B. chủ động kết nối các cường quốc để nâng tầm đối tác chiến lược.
C. hội nhập quốc tế để thu hút vốn đầu tư bên ngoài bằng mọi giá.
D. chủ động nắm bắt thời cơ, đi tắt đón đầu để vượt qua thách thức.

Câu 9. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô (1989 – 1991) đã tạo cho Mỹ lợi thế nào sau đây?

A. Chỉ phối được các nước tư bản đồng minh đi theo Mỹ.

B. Tận dụng cơ hội để thiết lập trật tự giới đơn cực.

C. Đẩy mạnh việc triển khai chiến lược đa phương hoá.

D. Thực hiện thành công mục tiêu chiến lược toàn cầu.

Câu 10. Một trật tự thế giới mà ở đó các nước lớn, các trung tâm kinh tế – tài chính lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga, có vị thế đối với quan hệ quốc tế được gọi là trật tự

A. đa cực, nhiều trung tâm.

B. đơn cực, nhất siêu.

C. đa phương hoá, đa dạng hóa.

D. đa cường, đa phương.

CHỦ ĐỀ 2: ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Câu 1. ASEAN được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

A. Các nước trong khu vực đã hoàn thành công nghiệp hoá đất nước.

B. Nhiều nước Đông Nam Á đã vươn lên trở thành “con rồng” kinh tế.

C. Các nước đã giành được độc lập dân tộc, gặp khó khăn trong phát triển.

D. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là bối cảnh lịch sử thành lập ASEAN?

A. Xu thế khu vực hoá đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

B. Nhiều nước Đông Nam Á đã vươn lên trở thành “con rồng” kinh tế.

C. Xu thế toàn cầu hoá đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

D. Liên Xô và các nước đã tuyên bố chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phải là bối cảnh thành lập ASEAN?

A. Các nước trong khu vực có sự tương đồng về văn hóa, chính trị, kinh tế.

B. Cuộc Chiến tranh lạnh đã tác động sâu sắc đến nhiều nước trong khu vực.

C. Các nước đã có độc lập dân tộc, đặt ra yêu cầu hợp tác để cùng phát triển.

D. Các nước lớn đang tìm cách biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng.

Câu 4. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập (1967) tại

A. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).

B. Cua-la Lăm-po (Ma-lai-xi-a).

C. Ba-li (In-đô-nê-xi-a).

D. Băng Cốc (Thái Lan).

Câu 5. Trước khi Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thành lập, đã xuất hiện tổ chức liên kết khu vực nào dưới đây hoạt động hiệu quả?

A. Cộng đồng châu Âu.

C. Liên minh hợp tác Đông Á.

B. Hiệp hội các nước Nam Á.

D. Liên minh châu Âu.

Câu 6. ASEAN được thành lập phản ánh xu thế nào sau đây?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

B. Toàn cầu hoá, quốc tế hoá.

C. Liên minh hợp tác khu vực.

D. Trật tự đa cực nhiều trung tâm.

Câu 7. Quốc gia nào sau đây là một trong những thành viên sáng lập ASEAN?

A. Hàn Quốc.

B. Mông Cổ.

C. Ấn Độ.

D. Ma-lai-xi-a.

Câu 8. Văn kiện nào đã nêu rõ mục đích thành lập của tổ chức ASEAN?

A. Tuyên bố Băng-cốc.

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

C. Hiệp định Paris.

D. Tuyên bố Lahay.

A. Mi-an-ma. B. Lào. C. Cam-pu-chia. D. Việt Nam.

A. Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các thành viên để tạo ra sự cạnh tranh với Trung Quốc.
B. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện, trọng tâm là công nghệ để thích ứng xu thế toàn cầu hoá.
C. Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội để phát triển và hội nhập khu vực, thế giới.
D. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương về quốc phòng để tiến tới nhất thể hoá khu vực.

A. hợp tác toàn diện giữa các nước trong khu vực với Mỹ và Trung Quốc.
B. giải quyết sự bất đồng, tranh chấp giữa các nước về vấn đề Biển Đông.
C. hợp tác cùng phát triển, dựa trên một nền tảng kinh tế và chính trị thống nhất.

Câu 12. Năm 1984, quốc gia nào sau đây trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN?

Câu 13. Năm 1997, hai quốc gia nào sau đây trở thành thành viên của ASEAN?

B. Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. **D. Lào và Mi-an-ma.**

A. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.

B. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đang diễn ra.

C. Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây đang diễn ra.

Câu 15. Năm 1999, quốc gia nào sau đây trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN?

A. Bru-nây. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Lào.

Câu 16. Ngay sau khi thành lập, trong giai đoạn 1967 – 1976 ASEAN đã

A. phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

B. quyết định tiến tới thành lập Cộng đồng ASEAN.

C. phát triển số lượng thành viên từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.

D. tham gia giải quyết vấn đề hoà bình ở Cam-pu-chia.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của ASEAN trong giai đoạn 1976 – 1999?

A. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

B. Phát triển số lượng thành viên, từ 5 nước lên 10 nước.

C. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.

D. Các nước tập trung hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu về chính trị – an ninh của ASEAN trong giai đoạn 1976 – 1999?

A. Tham gia giải quyết việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia.

B. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

C. Tăng cường hợp tác toàn diện giữa các nước thành viên.

D. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của ASEAN trong giai đoạn 1999 – 2015?

A. Thông qua bản Hiến chương ASEAN.

B. Thông qua nguyên tắc hoạt động của ASEAN.

C. Tham gia giải quyết vấn đề hoà bình ở Campuchia.

D. Kết nạp thành viên mới là Đông Ti-mo vào ASEAN.

Câu 20. Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước ngoặt của ASEAN trong giai đoạn 1967-1976?

A. Hiến chương ASEAN được thông qua.

B. Hiệp ước Ba-li được kí kết.

C. Cam-pu-chia gia nhập ASEAN.

D. Thành lập Cộng đồng ASEAN.

Câu 21. Trong giai đoạn 2009 – 2015, nhiều biện pháp tích cực đã được triển khai trong ASEAN nhằm chuẩn bị

A. kết nạp các thành viên mới vào ASEAN.

B. kí kết bản Hiến chương ASEAN.

C. thành lập của Cộng đồng ASEAN.

D. hợp tác toàn diện trong ASEAN.

BÀI 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Câu 1. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi

A. các nước ASEAN kí kết Hiệp ước Ba-li (1976).

B. “Tuyên bố Băng-Cốc” thành lập ASEAN (1967).

C. tổ chức ASEAN kết nạp thành viên thứ 10 (1999).

D. “vấn đề Cam-pu-chia” được giải quyết (1991).

Câu 2. Trong Tuyên bố Băng Cốc (1967), các nước thành viên ASEAN đã đề ra ý tưởng nào sau đây?

A. Xây dựng một cộng đồng các nước Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

B. Thúc đẩy Đông Nam Á vươn lên trở thành khu vực phát triển nhất thế giới.

C. Thành lập tổ chức liên minh chính trị – quân sự của các nước trong khu vực.

D. Thúc đẩy quan hệ kinh tế, văn hoá giữa ASEAN với Cộng đồng châu Âu (EC).

Câu 3. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997) đã thông qua văn kiện quan trọng nào sau đây?

A. Tuyên bố Băng Cốc.

B. Hiệp ước Bali.

C. Hiến chương ASEAN.

D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 4. Mục tiêu của các nước Đông Nam Á khi đề ra và xây dựng Cộng đồng ASEAN là

A. tiến tới thành lập một liên minh quân sự trong khu vực.

B. thúc đẩy thành lập một liên minh về chính trị, quân sự.

C. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc đối với khu vực.

D. Xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ, liên kết sâu rộng.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN?

A. Thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với tất cả các tổ chức liên kết kinh tế thế giới.

B. Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với chính sách đối ngoại và an ninh chung.

C. Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn.

D. Tạo ra một cộng đồng ASEAN cạnh tranh hiệu quả với các tổ chức hợp tác khu vực.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN?

A. Thúc đẩy ASEAN mở rộng hợp tác với bên ngoài.

B. Tạo điều kiện để ASEAN tập trung hợp tác nội khối.

C. Đưa tốc độ tăng trưởng của ASEAN cao nhất thế giới.

D. Đưa ASEAN trở thành một tổ chức nhất thể hoá khu vực.

Câu 7. Năm 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN kí *Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ*, đánh dấu

A. ASEAN thành lập.

B. Cộng đồng ASEAN ra đời.

C. Hiệp hội Đông Nam Á thành lập.

D. Liên minh ASEAN ra đời.

Câu 8. Cộng đồng ASEAN được xây dựng dựa trên một trong những trụ cột nào sau đây?

A. Cộng đồng Quân sự – Chính trị ASEAN.

B. Cộng đồng Văn hóa – Giáo dục ASEAN.

C. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.

D. Cộng đồng Khoa học – Công nghệ ASEAN.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

A. Cộng đồng Công nghệ ASEAN.

C. Cộng đồng An ninh ASEAN.

B. Cộng đồng Quốc phòng ASEAN.

D. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Câu 10. Tạo dựng bản sắc ASEAN và thu hẹp khoảng cách phát triển là nội dung của

A. Cộng đồng Khoa học – Công nghệ ASEAN.

B. Cộng đồng Văn hoá – Thể thao ASEAN.

C. Cộng đồng Thương mại – Tài chính ASEAN.

D. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

A. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

B. Cộng đồng Văn hoá – Thể thao ASEAN.

C. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.

D. Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.

Câu 12. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN hoạt động dựa trên cơ sở nào sau đây?

A. Hạn chế sử dụng vũ lực trong cộng đồng.

B. Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

C. Thực thi các quyết định dựa trên đa số tán thành.

D. Đồng thuận xây dựng một khối phòng thủ chung.

Câu 13. “Xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á” là một trong những mục tiêu của

A. Cộng đồng Kinh tế – Tài chính ASEAN.

B. Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.

C. Cộng đồng Văn hoá – Thể thao ASEAN.

D. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.

Câu 14. Một trong những nội dung chính của Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là

A. Tạo dựng bản sắc của các nước.

B. Xây dựng thị trường thống nhất.

C. Nới rộng khoảng cách phát triển.

D. Phát triển con người.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** đúng về hoạt động của Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN?

A. Thúc đẩy hoà bình, hợp tác khu vực.

B. Bảo đảm môi trường bền vững.

C. Phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

D. Bảo đảm các quyền công bằng xã hội.

***Câu 16.** Ý tưởng về việc thành lập Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là sáng kiến của

A. Ma-lai-xi-a.

B. Việt Nam.

C. In-đô-nê-xi-a.

D. Thái Lan.

Câu 17. Một trong những thách thức nào sau đây mà Cộng đồng ASEAN gặp phải trong quá trình hoạt động?

A. Có khoảng cách địa lý giữa hai nhóm nước lục địa và hải đảo.

B. Nhiều nước vẫn chưa tham gia các diễn đàn lớn trên thế giới.

C. Chưa có chiến lược mở rộng quan hệ hợp tác ngoài khu vực.

D. Sự đa dạng chế độ chính trị và đường lối chiến lược ở mỗi nước.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phải là một trong những thách thức của Cộng đồng ASEAN?

A. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước.

B. Tình hình Biển Đông đang trở nên phức tạp hơn.

C. Có sự đa dạng về chế độ chính trị giữa các nước.

D. Chưa có vị thế trong khu vực và trên trường quốc tế.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

A. Có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các nước châu Á.

B. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.

C. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cao nhất thế giới.

D. Có vai trò định hướng và quyết định tại tất cả các diễn đàn quốc tế.

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** phải triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

A. Có quan hệ rộng mở với các đối tác ngoài khu vực Đông Nam Á.

B. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.

C. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cao nhất thế giới.

D. Thể chế, chính sách và cơ chế hợp tác từng bước hoàn thiện hơn.

CHỦ ĐỀ 3

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

BÀI 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1: Nhiệm vụ nào sau đây được quân dân Việt Nam thực hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Đánh đuổi phát xít Đức.

B. Đánh đuổi quân phiệt Nhật Bản.

C. Đánh đuổi đế quốc Mỹ.

D. Đánh đuổi thực dân Pháp.

Câu 2. Ngày 13-8-1945, ngay khi nhận được tin Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập cơ quan nào sau đây?

A. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

B. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng.

C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

D. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

Câu 3. Sự kiện thế giới nào sau đây có ảnh hưởng đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh.

B. Trật tự hai cực Ianta được thiết lập.

C. Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên xô.

D. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời.

Câu 4. Một trong những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

A. Thanh Hóa.

B. Quảng Nam.

C. Hưng Yên.

D. Cao Bằng.

Câu 5. Một trong những địa phương nào sau đây giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

A. Hải Dương.

B. Hà Tiên.

C. Đồng Nai thượng.

D. Cần Thơ.

Câu 6: Trong cách mạng tháng Tám năm 1945, hai địa phương giành được chính quyền muộn nhất là

A. Huế, Sài Gòn.

B. Hà Tĩnh, Nghệ An.

C. Đồng Nai, Cà Mau.

D. Đồng Nai Thượng, Hà Tiên.

Câu 7: Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, sự kiện vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị (ngày 30 - 8 - 1945), đánh dấu

A. nhiệm vụ dân tộc của cách mạng hoàn thành.

B. nhiệm vụ dân chủ của cách mạng hoàn thành.

C. chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

D. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên phạm vi cả nước.

Câu 8. Thời cơ “ngàn năm có một” của Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 được Đảng cộng sản Đông Dương xác định từ sau ngày

A. phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

B. quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

D. kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ.

Câu 9. Đối với cách mạng Việt Nam, việc phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15-8-1945) đã

A. mở ra thời kì trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

B. tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghĩa từng phần.

C. tạo cơ hội cho quân Đồng minh hỗ trợ nhân dân khởi nghĩa.

D. tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho tổng khởi nghĩa.

Câu 10. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thông qua quyết định nào dưới đây?

A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.

B. Phát động Tổng khởi nghĩa cả nước.

C. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

D. Giải phóng dân tộc trong năm 1945.

Câu 11. Hội nghị toàn quốc của Đảng (14 đến 15-8-1945) đã thông qua nội dung nào sau đây?

A. phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước.

B. Cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam.

C. Thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

D. Kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

Câu 12. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (16 đến 17-8-1945) đã cử ra

A. Chính phủ liên hiệp quốc dân.

B. Ủy ban lâm thời khu giải phóng.

C. Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam.

D. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám nổ ra?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ.

B. phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh.

C. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

D. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ?

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.

B. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

C. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập.

D. Thủ đô Hà Nội được giải phóng.

Câu 15. Sự kiện nào sau đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?

A. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945).

B. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (16 đến 17-8-1945)

C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (14 đến 15-8-1945)

D. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội (19-8-1945).

Câu 16. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa

A. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền được thắng lợi trong cả nước

B. ảnh hưởng lớn và quyết định đến các địa phương trong cả nước.

C. đánh dấu Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi hoàn toàn

D. đánh dấu chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

Câu 17. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa tháng Tám được xác định trong khoảng thời gian từ khi

- A. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- B. Mỹ tuyên chiến với Nhật đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- C. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

D. Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 18. Thời cơ “ngàn năm có một” để nhân dân Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 kết thúc khi

- A. quân Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật.**
- B. thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược trở lại Việt Nam.
- C. Nhật cùng thực dân Anh chống phá chính quyền cách mạng.
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết.

Câu 19. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít?

- A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.**
- B. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 20. Lực lượng nào sau đây đóng vai trò quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945)?

- A. Lực lượng vũ trang
- B. Lực lượng chính trị**
- C. Lực lượng trí thức
- D. Lực lượng nông dân.

Câu 21. Lực lượng nào sau đây đóng vai trò xung kích trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945) ở Việt Nam?

- A. Lực lượng vũ trang**
- B. Lực lượng chính trị
- C. Lực lượng trí thức
- D. Lực lượng nông dân.

Câu 22. Trong Cách mạng tháng Tám (1945), nhân dân Việt Nam đã giành lại chính quyền từ tay kẻ thù nào?

- A. Thực dân Pháp
- B. Đế quốc Mỹ
- C. Phát xít Nhật và tay sai**
- D. Thực dân Anh.

Câu 23. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã

- A. xóa bỏ hoàn toàn tàn dư của chế độ phong kiến.
- B. Xóa bỏ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.
- C. đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.**
- D. góp phần làm thay đổi bản đồ của khu vực Đông Nam Á.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân khách quan dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Lực lượng vũ trang ba thứ quân đóng vai trò quyết định.
- B. Thắng lợi của quân Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.**
- C. Có sự viện trợ kinh tế, quân sự của Liên xô, Trung Quốc.
- D. Truyền thống yêu nước của toàn dân tộc được phát huy.

Câu 25. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. có liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- B. sự giúp đỡ trực tiếp của các nước Đồng minh.
- C. sự ủng hộ trực tiếp của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. truyền thống yêu nước của dân tộc được phát huy.

Câu 26. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nhiệm vụ chủ yếu là chống chế độ phong kiến.
- B. Đối tượng đấu tranh chủ yếu là giai cấp tư sản.
- C. Lực lượng vũ trang đóng vai trò quyết định nhất.

D. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng.

Câu 27. Ở Việt Nam, sự kiện nào sau đây đánh dấu Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
- D.** Cách mạng tháng Tám (1945) thành công.

Câu 28. Nhận xét nào sau đây là đúng về cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Điều kiện khách quan giữ vai trò quyết định thắng lợi của cách mạng.
- B. Sự kiện Nhật đảo chính Pháp là điều kiện bùng nổ cuộc tổng khởi nghĩa.
- C.** Những điều kiện chủ quan quyết định thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa.
- D. Thắng lợi của tổng khởi nghĩa không phụ thuộc vào điều kiện khách quan.

Câu 29. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam có ý nghĩa như thế nào đối với thế giới?

- A. Làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B. Tác động đến phong trào công nhân ở châu Âu.
- C.** Cổ vũ phong trào cách mạng trên thế giới.
- D. Góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít Đức.

Câu 30. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.
- B. Cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh.
- C.** Mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

Câu 31. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh.
- C.** Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền.
- D. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 32. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Truyền thống yêu nước của toàn dân tộc được phát huy.
- B.** Phát xít Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C. Quá trình chuẩn bị toàn diện của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 33. Một trong những bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Đấu tranh công khai, hợp pháp.
- C. sự đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.
- D.** Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định.

Câu 34. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được Đảng Cộng sản Đông Dương rút ra về tập hợp, tổ chức lực lượng, phân hóa và cô lập kẻ thù trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trên cơ sở liên minh công – nông.

B. Giải quyết tốt những yêu cầu và nguyện vọng trước mắt của quần chúng.

C. Tập trung tất cả các lực lượng để tấn công nhiều kẻ thù cùng một lúc.

D. Triệt để tận dụng những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi.

Câu 35. Nội dung nào dưới đây **không** phải là bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Có đường lối chiến lược đúng đắn, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh đất nước.

B. Phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân và khối đoàn kết toàn dân.

C. Xác định rõ thời cơ, chủ động tạo và nhanh chóng chớp thời cơ để hành động.

D. Phát huy tinh thần đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 36. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam và Cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga có điểm chung nào sau đây?

A. Góp phần cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

B. Đối tượng đấu tranh chủ yếu là giai cấp tư sản.

C. Nhiệm vụ chủ yếu là chống chủ nghĩa thực dân.

D. Làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 37: Sự kiện thắng lợi nào sau đây trở thành ngày kỷ niệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị (30/8/1945).

B. Khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội (19/8/1945).

C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn (25/8/1945).

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945)

Câu 38. Ý nghĩa quan trọng nhất của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. chấm dứt thời kì quân chủ tồn tại hơn 1000 năm.

B. chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật

C. mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân làm chủ đất nước.

D. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Câu 39. Một trong những nguyên nhân chủ quan đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. thắng lợi của lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống Phát xít.

B. phát xít Nhật bị quân Đồng minh tiêu diệt buộc phải đầu hàng.

C. đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

D. sự đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của ba nước Đông Dương.

Câu 40. Một trong những bài học kinh nghiệm từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là

A. xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.

B. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.

C. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.

D. xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 41. Sự kiện nào sau đây đánh dấu Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã thắng lợi hoàn toàn?

A. Vua Bảo Đại thoái vị tuyên bố thoái vị (30 - 8 - 1945).

B. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2 - 9 - 1945).

C. Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội (19 - 8 - 1945).

D. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên giành được chính quyền (28 - 8 - 1945).

Câu 42. Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối cách mạng đúng đắn.

C. Sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Chiến thắng của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít.

BÀI 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

Câu 1: Một trong những bối cảnh quốc tế thuận lợi tác động đến nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

B. cách mạng CuBa đã giành được thắng lợi.

C. xu thế hòa hoãn Đông-Tây đã xuất hiện.

D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại.

Câu 2: Một trong những thuận lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. được sự giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô.

B. được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận.

C. nhân dân đã giành được quyền làm chủ đất nước.

D. Phát xít Nhật đã được giải giáp khỏi nước ta.

Câu 3: Trong năm đầu sau khi được thành lập (1945-1946), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với khó khăn nào sau đây?

A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện.

B. Nguy cơ chiến tranh thế giới.

C. Giặc ngoại xâm và nội phản.

D. Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương.

Câu 4: Quân đội các nước nào sau đây với danh nghĩa quân Đồng minh kéo vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Anh, Trung Hoa Dân quốc.

B. Pháp, Tây ban Nha

C. Mỹ, Nhật Bản.

D. Liên xô, Trung Quốc.

Câu 5. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, kẻ thù nguy hiểm nhất đối với cách mạng Việt Nam là

A. quân Anh

B. thực dân Pháp

C. đế quốc Mỹ

D. phát xít Nhật

Câu 6. Ngày 23-9-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.

B. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

C. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.

D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.

Câu 7. Sự kiện nào sau đây mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp?

A. Pháp đề ra kế hoạch Na-va và tấn công Điện Biên Phủ.

B. Pháp mở chiến dịch tấn công lên căn cứ Việt Bắc.

C. Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam đầu hàng.

D. Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ.

Câu 8. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bùng nổ trong bối cảnh quốc tế như thế nào?

- A. Nhân dân Việt Nam đã trở thành người làm chủ đất nước.
- B. Lực lượng vũ trang ba thứ quân có sự phát triển vượt bậc
- C. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phát triển.**
- D. Chế độ xã hội chủ nghĩa đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Câu 9. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1945- 1954) diễn ra trong bối cảnh

- A. quan hệ quốc tế bị chi phối bởi trật tự hai cực I-an-ta.**
- B. nguy cơ chiến tranh thế giới hai đe dọa toàn nhân loại.
- C. chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô khủng hoảng sâu sắc.
- D. trật tự thế giới đa cực đang trong giai đoạn hình thành.

Câu 10. Sự kiện nào trực tiếp dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bùng nổ vào ngày 19 – 12 – 1946?

- A. Quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.
- B. Quân Pháp mở chiến dịch tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc
- C. Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.**
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến”.

Câu 11. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) của nhân dân Việt Nam có nội dung nào sau đây?

- A. Đánh nhanh thắng nhanh, tận dụng đúng thời cơ.
- B. Dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.
- C. Liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh...**

Câu 12. Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. đoàn kết kháng chiến.
- B. vườn không nhà trống
- C. toàn dân kháng chiến**
- D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 13. Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam tại các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947 có nhiệm vụ trọng tâm là

- A. tiêu diệt sinh lực của Pháp, nắm thế chủ động trên chiến trường.
- B. tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.**
- C. phá hủy toàn bộ phương tiện chiến tranh và cơ sở vật chất của Pháp.
- D. buộc Pháp phải chấp nhận kí hiệp định, rút toàn bộ quân về nước.

Câu 14. Một trong những kết quả đạt được của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 là

- A. tiêu diệt cơ quan đầu não của địch, tạo thế mạnh trên bàn đàm phán.
- B. giam chân quân Pháp ở các đô thị, ta chủ động rút về căn cứ kháng chiến.**
- C. Phá hoại cơ sở vật chất của địch, ta giành thế chủ động trên chiến trường
- D. làm thất bại hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

Câu 15. Trong thu - đông năm 1947, quân dân Việt Nam có hoạt động quân sự nào sau đây?

- A. Chủ động mở chiến dịch Biên giới .
- B. Mở cuộc phản công ở Việt Bắc.**
- C. Mở cuộc tiến công chiến lược.
- D. Mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 16. Chiến dịch tấn công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là

A. chiến dịch Việt Bắc.

B. chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. chiến dịch Biên giới.

D. chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 17. Âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi thắng lợi nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu -đông 1947.

B. Chiến dịch biên giới thu - đông 1950.

C. Cuộc Tiến công đông - xuân 1953-1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 18. Trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, ta chọn cứ điểm nào sau đây để mở cuộc tấn công đầu tiên?

A. Đông Khê.

B. Thất Khê.

C. Thái Nguyên.

D. Cao Bằng

Câu 19. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, ta đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự nào của thực dân Pháp?

A. Kế hoạch Rove.

B. Kế hoạch Nava.

C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

D. Kế hoạch Bôlae

Câu 20. Chiến dịch nào sau đây được mở nhằm khai thông biên giới Việt – Trung

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

D. Chiến dịch Hoàng Hoa Thám năm 1951.

Câu 21. Tổ chức nào sau đây được thành lập trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam (1945-1954)?

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Mặt trận Liên Việt.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 22. Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp thể hiện quan hệ đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương?

A. Liên minh kinh tế Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

B. Liên minh văn hóa Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

C. Cộng đồng văn hóa – chính trị ASEAN thành lập.

D. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

Câu 23. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng Sản Đông Dương có quyết định nào sau đây?

A. Phát động toàn quốc kháng chiến.

B. Đưa Đảng ra hoạt động công khai.

C. Mở chiến dịch Việt Bắc thu - đông.

D. Mở chiến dịch Biên giới thu - đông.

Câu 24. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là

A. Đảng Cộng Sản Đông Dương.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng Sản Việt Nam.

D. Đảng Lao động Đông Dương.

Câu 25. Để làm phá sản kế hoạch Rove của Pháp, tháng 6-1950 Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định mở chiến dịch nào sau đây?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 26. Thực dân Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài sau thất bại của chiến dịch nào dưới đây?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975)

B. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông (1947).

C. Chiến dịch Biên giới thu-đông (1950).

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

Câu 27. Bước vào thu-đông 1953, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch quân sự nào sau đây ở Đông Dương?

A. Kế hoạch Bôlae.

B. Kế hoạch Nava.

C. Kế hoạch Rove.

D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

Câu 28. Trong những năm 1953 - 1954, để can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương, Mỹ đã

A. ký với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

B. ồ ạt đưa quân Mỹ và quân Đồng minh vào miền Nam.

C. dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

D. tăng cường viện trợ cho Pháp thực hiện kế hoạch Nava.

Câu 29. Năm 1953, thực dân Pháp đề ra kế hoạch Nava nhằm mục đích nào sau đây?

A. Khóa chặt biên giới Việt - Trung.

B. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

C. Kết thúc chiến tranh trong danh dự.

D. Quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương.

Câu 30. Với mục tiêu từng bước đánh bại âm mưu của Pháp – Mỹ trong kế hoạch Na-va, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương

A. mở chiến dịch Việt Bắc vào thu – đông 1947.

B. mở chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

C. mở cuộc tấn công chiến lược Đông – Xuân 1953 –1954.

D. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Câu 31. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đã

A. khiến toàn bộ quân Pháp ở Đông Dương phải đầu hàng.

B. bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va của quân Pháp.

C. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán tại Hội nghị Pa-ri.

D. giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

Câu 32. Trong thời kỳ 1950-1954, quân đội và nhân dân Việt Nam đã mở chiến dịch nào sau đây nhằm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương?

A. Việt Bắc.

B. Thượng Lào.

C. Điện Biên Phủ.

D. Biên giới.

Câu 33. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) của quân dân Việt Nam toàn thắng?

A. Pháp phải rút toàn bộ quân viễn chinh khỏi Việt Bắc.

B. Toàn bộ quân Pháp phải rút khỏi các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16.

C. Tướng Đờ Ca-xtơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp đầu hàng.

D. Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 34. Sự kiện nào sau đây đánh dấu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) hoàn toàn thắng lợi?

A. Hiệp định Pa-ri được kí kết.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi.

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

D. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Câu 35. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950 thắng lợi đã có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

A. Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

B. Làm thất bại hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, xoay chuyển cục diện chiến tranh.

D. Quân đội Việt Nam giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

Câu 36. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam đã

A. đánh dấu mốc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

C. buộc Pháp phải chuyển sang kế hoạch đánh lâu dài.

D. bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

Câu 37. Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 của quân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

B. Khai thông con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Chuẩn bị vật chất và tinh thần để ta mở chiến dịch vào Điện Biên Phủ.

D. Quân đội Việt Nam giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

Câu 38. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 đánh dấu bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) vì lý do nào sau đây?

A. Mở ra thời kì Việt Nam giành được quyền chủ động trên chiến trường chính.

B. Bước đầu làm phá sản âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

C. Làm thất bại âm mưu can thiệp vào chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ.

D. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va do của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Câu 39. Thực dân Pháp buộc phải chấp nhận kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương vì lý do nào sau đây?

A. Do sức ép từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Pháp muốn kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

C. Thực dân Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ.

D. Sự phản đối nhân dân yêu hòa bình trên thế giới.

Câu 40. Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 của quân dân Việt Nam có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội Việt Nam.

B. Là cuộc tấn công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.

C. Quân đội Việt Nam giành thế chủ động trên chiến trường chính.

D. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

Câu 41. Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) với cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, đoàn kết chiến đấu của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 42. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

A. Cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở châu Phi.

B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. Giáng đòn nặng nề vào sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

D. Đưa đến sự ra đời của hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 43. Nội dung nào sau đây **không** đúng về những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam.

B. Hậu phương kháng chiến được xây dựng vững chắc.

C. Vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc đối với miền Nam.

D. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 44. Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 so với chiến dịch biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam là về

A. đối tượng tác chiến.

B. địa hình tác chiến.

C. loại hình chiến dịch.

D. lực lượng chủ yếu

Câu 45. Điểm khác biệt căn bản giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) so với cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 là

A. Buộc Pháp phải phân tán lực lượng ra nhiều nơi khác nhau.

B. Đánh vào nơi quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

C. Tập trung đánh vào cơ quan đầu não của quân Pháp tại Tây Bắc.

D. Đánh vào tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh nhất của Pháp ở Đông Dương.

Câu 46. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã góp phần

A. làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

B. làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.

C. đưa chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới.

D. đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Câu 47. Nguyên nhân quyết định tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954?

A. Sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế.

B. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, hậu phương rộng lớn.

C. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 48. Nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954) là

A. có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân.

B. mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng.

C. Sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 49. Điểm tương đồng về nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 với cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) là

A. Truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc.

B. Quá trình chuẩn bị chu đáo, tận dụng đúng thời cơ.

C. Có chính quyền dân chủ nhân dân, hậu phương vững chắc.

D. Có sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

BÀI 8: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Câu 1. Trong giai đoạn từ 1954 đến 1958, mục tiêu đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam Việt Nam là

A. đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang.

C. chuẩn bị tổ chức các cuộc phản công quân sự.

D. xây dựng các căn cứ địa ở nông thôn, rừng núi.

Câu 2. Một trong những mục tiêu đấu tranh của nhân dân miền Nam trong giai đoạn 1954-1958 là

- A. Chống khủng bố, đàn áp, đòi độc lập dân tộc
- B. Sử dụng bạo lực cách mạng, tiến tới Đồng khởi.
- C. Đòi Pháp, Mỹ thực hiện nghiêm túc Hiệp định Pa-ri.

D. Chống Mỹ - Diệt, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Câu 3. Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) đã quyết định

- A. tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng các căn cứ địa.
- B. cách mạng miền Nam đấu tranh bằng biện pháp hòa bình.

C. để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng.

- D. phái lực lượng ra miền Bắc chở vũ khí vào Nam đánh Mỹ.

Câu 4. Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam Việt Nam trong thời gian đầu sau Hiệp định Giơ- ne-vơ (1954) là

- A. Tổng tiến công và nổi dậy.

B. Đấu tranh chính trị, hòa bình.

- C. Dùng bạo lực cách mạng.

D. Đấu tranh vũ trang.

Câu 5. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Xu thế Hoà hoãn Đông – Tây đang diễn ra.
- B. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta mới hình thành.
- C. Các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới đã chấm dứt.

D. Cục diện đối đầu Đông – Tây diễn ra căng thẳng.

Câu 6. Thắng lợi nào sau đây đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. Phong trào “Đồng khởi” (1959-1960)**
- B. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- D. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Câu 7. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam (1959-1960), tổ chức nào sau đây đã ra đời?

- A. Liên minh Nhân dân Việt - Miên - Lào.
- B. Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh).
- C. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 8: Quân dân miền Nam giành được thắng lợi nào sau đây trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968)?

- A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).**
- B. An Lão (Bình Định).
- C. Ấp Bắc (Mĩ Tho).
- D. Đồng Xoài (Bình Phước).

Câu 9: Lực lượng không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. quân đội tay sai Sài Gòn.
- B. cố vấn Mỹ.
- C. quân đồng minh Mỹ.

D. quân viễn chinh Mỹ.

Câu 10: Mỹ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi đang thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh cục bộ.**
- B. Chiến tranh đơn phương.
- C. Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Chiến tranh đặc biệt.

Câu 11. Yếu tố nào sau đây được xem là “xương sống – quốc sách” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam?

- A. “Trục thẳng vận”, “thiết xa vận”. B. quân đội Sài Gòn.
C. Áp chiến lược. D. Cố vấn quân sự Mỹ.

Câu 12. Năm 1961, tổ chức chính trị nào sau đây đã ra đời ở miền Nam Việt Nam?

- A. Quân đội Nhân dân miền Nam Việt Nam.
B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
C. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

D. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 13. Năm 1969, tổ chức chính trị nào sau đây đã ra đời ở miền Nam Việt Nam?

- A. Quân đội Nhân dân miền Nam Việt Nam.
B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

D. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 14. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” 1961-1965 của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam ra đời sau thất bại của

- A. Chiến tranh đơn phương** B. Chiến tranh cục bộ
C. Đông Dương hóa chiến tranh D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 15. Trong giai đoạn 1965 – 1968, Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh nào sau đây ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh đặc biệt. **B. Chiến tranh cục bộ.**
C. Việt Nam hóa chiến tranh. D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 16. Âm mưu của Mỹ khi thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam là

- A. dùng người Việt đánh người Việt. B. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
C. buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mỹ. **D. giành lại thế chủ động trên chiến trường.**

Câu 17. Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam (1965-1968), Mỹ sử dụng chiến lược quân sự mới nào sau đây?

- A. Trục thẳng vận, thiết xa vận. B. Dồn dân lập ấp chiến lược.
C. Chiến dịch tổ cộng, diệt cộng. **D. Hành quân “tìm diệt”.**

Câu 18. Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa chiến lược Chiến tranh cục bộ với Chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

- A. quân viễn chinh Mỹ trực tiếp tham chiến.** B. sử dụng phương tiện chiến tranh hiện đại.
C. sử dụng lực lượng cố vấn quân sự Mỹ. D. dựa chủ yếu vào chính quyền tay sai.

Câu 19. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Cuộc Tiến công chiến lược (1972). B. Chiến thắng Vạn Tường (1965).
C. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968). D. Chiến thắng Ấp Bắc (1963).

Câu 20. Một trong những ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam Việt Nam là

- A. buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.
B. buộc Mỹ chấp nhận đến bàn đàm phán với ta tại Pari.
C. tạo ra thời cơ thuận lợi để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

A. buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 21. Sau thất bại của chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) Mỹ chuyển sang chiến lược chiến tranh nào sau đây ở miền Nam Việt Nam,?

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh đơn phương.

C. Việt Nam hoá chiến tranh.

D. Chiến tranh tổng lực.

Câu 22. Lực lượng chủ yếu Mỹ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh (1969-1973) ở miền Nam Việt Nam là

A. quân đội Sài Gòn

B. quân Mỹ

C. quân đồng minh của Mỹ

D. cố vấn quân sự Mỹ.

Câu 23. Âm mưu của Mỹ khi thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam là

A. tận dụng xương máu người Việt Nam.

B. tạo thế mạnh trên bàn đàm phán Pari.

C. buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mỹ.

D. giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Câu 24. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).

B. Chiến thắng Vạn Tường (1965).

C. Chiến thắng Đường 14 – Phước Long (1975).

D. Cuộc Tiến công chiến lược (1972).

Câu 25. Sự kiện nào sau đây ghi nhận nhân dân Việt Nam đã “căn bản” hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Mỹ cút”?

A. Chiến thắng Xuân Mậu Thân (1968).

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

C. Hiệp định Pa-ri được kí kết (1-1973).

D. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (1972).

Câu 26. Điểm chung của các chiến lược chiến tranh do Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam thời kì 1954-1975 là

A. có sự tham chiến của quân đội Mỹ.

B. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. dựa vào lực lượng quân sự Mỹ.

D. dựa vào lực lượng quân đồng minh của Mỹ.

Câu 27. Trong hoạt động quân sự cuối năm 1974 - đầu năm 1975, quân dân miền Nam đã giành thắng lợi nào sau đây?

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. Bình Giã (Bà Rịa).

C. Đường 14 – Phước Long.

C. “Điện Biên Phủ trên không”.

Câu 28. Chiến dịch nào sau đây đã mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Tây Nguyên.

B. Đường 14 – Phước Long.

C. Huế - Đà Nẵng.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 29. Điểm chung trong các chiến lược chiến tranh thực dân mới của Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954- 1975) là

A. quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ trực tiếp tham chiến.

B. kết hợp bình định miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.

D. dựa vào lực lượng quân đội Sài Gòn, do cố vấn Mỹ chỉ huy.

Câu 30. Một trong những nguyên nhân khách quan đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) là

A. sự lãnh đạo với đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

B. tinh thần đoàn kết, chiến đấu của ba nước Đông Dương.

C. truyền thống yêu nước, đoàn kết chiến đấu của nhân dân.

D. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc đối với miền Nam.

Câu 31. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam?

A. Kết thúc 30 năm chiến tranh cách mạng.

B. Góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới.

C. Chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

D. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

Câu 32. Nội dung nào sau đây là nhân tố hàng đầu bảo đảm cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam (từ năm 1930 đến năm 1975)?

A. Sự ủng hộ của các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

B. Truyền thống yêu nước và quyết đánh thắng kẻ thù của dân tộc.

C. Truyền thống đoàn kết của dân tộc qua các mặt trận thống nhất.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng với đường lối khoa học và sáng tạo.

Câu 33. Trong thời kì 1954 – 1975, nhân dân miền Nam Việt Nam đã thực hiện thành công một trong những nhiệm vụ chiến lược nào sau đây?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Hoàn thành việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Kết hợp hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc trên cả nước.

Câu 34. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975) kết thúc thắng lợi đã

A. mở ra xu thế hoà hoãn Đông – Tây và xu thế toàn cầu hoá trên thế giới.

B. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. tạo điều kiện để cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

***Câu 35.** Trong giai đoạn 1965 – 1968 của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân dân miền Bắc có hoạt động nào sau đây?

A. Tập trung vào cuộc cải cách ruộng đất, giảm tô, giảm tức.

B. Chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

C. Buộc Mỹ “xuống thang” chiến tranh phá hoại và kí Hiệp định Pa-ri.

D. Nỗ lực và quyết tâm thực hiện nhiều nhiệm vụ trong thời chiến.

*** Câu 36.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng thành tựu của miền Bắc Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)?

A. Cổ vũ tinh thần, chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

B. Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

C. Trực tiếp tham gia chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

D. Trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

Câu 37. Chiến thắng nào sau đây của quân dân miền Bắc đã tác động trực tiếp, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972).

B. Trận Vạn Tường (1965).

C. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).

D. Cuộc tiến công chiến lược (1972).

****Câu 38.** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), miền Bắc đóng vai trò nào sau đây?

A. Là tiền tuyến, đóng vai trò quyết định cơ bản.

B. Là hậu phương lớn, đồng thời trực tiếp chống Mỹ.

C. Là tiền tuyến lớn, trực tiếp giải phóng miền Nam.

D. Là hậu phương tại chỗ, có vai trò quyết định trực tiếp.

****Câu 39.** Bước vào năm 1968, Quân Giải phóng miền Nam có hoạt động quân sự quyết định nào sau đây?

A. Đánh bại các cuộc hành quân “tìm diệt” của Mỹ.

B. Mở chiến dịch phản công quân Mỹ trên toàn miền Nam.

C. Mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.

D. Phát động cuộc Tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam.

***Câu 40.** Chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là kết quả chiến đấu của Quân Giải phóng miền Nam trong

A. cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

C. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

D. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

*** Câu 41.** Thắng lợi của chiến dịch nào sau đây ghi nhận cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi?

A. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

D. Chiến dịch Tây Nguyên.

*** Câu 42.** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** nhân tố hàng đầu làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam?

A. Đường lối lãnh đạo sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam.

B. Liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. Liên Xô và Trung Quốc đoàn kết, nhất trí ủng hộ, giúp đỡ.

D. Cách mạng miền Nam phát huy được vai trò quyết định nhất.

**** Câu 43.** Điểm giống nhau cơ bản giữa nghị quyết 15(1-1959) và nghị quyết 21(7-1973) của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam là

A. Khẳng định con đường bạo lực cách mạng

B. Kiên quyết nắm vững chiến lược tiến công.

C. Xác định kẻ thù là Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. Đấu tranh trên cả 3 mặt trận: chính trị- quân sự- ngoại giao.

*** Câu 44.** Điểm khác biệt của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 - 1973) so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ là gì?

A. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu.

B. Là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

C. Có sự phối hợp của một bộ lực lượng chiến đấu Mỹ.

D. Đặt dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mỹ.

*** Câu 45.** Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ (năm 1954).

B. Trận “Điện Biên Phủ trên không” (năm 1972).

C. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

D. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

**BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY.
MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

Câu 1. Ý nào sau đây là **đúng** về bối cảnh trong nước của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975?

- A. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra.
- B. Đất nước mới chỉ giải phóng được miền Bắc.
- C. Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.**
- D. Quan hệ giữa các nước lớn ẩn chứa nhiều phức tạp.

Câu 2. Hai cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc đều được phát động trong điều kiện quốc tế như thế nào?

- A. Có sự đồng thuận của phe xã hội chủ nghĩa.
- B. Được sự nhất trí của Liên Xô và Trung Quốc.
- C. Đang có sự hoà hoãn giữa các cường quốc.**
- D. Có những cuộc chiến tranh nóng ở châu Á

Câu 3. Ý nào sau đây là bối cảnh quốc tế của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 ở Việt Nam?

- A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.
- B. Cuộc kháng chiến chống Mỹ chưa kết thúc.
- C. Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới đơn cực.
- D. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây đang diễn ra.**

Câu 4. Sau khi lên nắm quyền (4/1975), tập đoàn Pôn Pốt đã có hành động nào sau đây?

- A. Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, tích cực.
- B. Tiến hành xây dựng đất nước Campuchia hòa bình, ổn định.
- C. Liên kết với các nước Đông Nam Á để chống lại Trung Quốc.
- D. Tiến hành các hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.**

Câu 5. Trong những năm 1975-1979, nhân dân Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- B. Kháng chiến chống Pháp.
- C. Đấu tranh giành chính quyền.
- D. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.**

Câu 6. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam (1979), diễn ra ở những địa bàn nào sau đây?

- A. Trên toàn tuyến biên giới lãnh thổ Việt Nam.
- B. Hà Nội và các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng.
- C. Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hà Nội, Hải Phòng.
- D. Sáu tỉnh biên giới từ Quảng Ninh đến Lai Châu.**

Câu 7. Địa bàn nào sau đây là một trong những mặt trận quyết liệt nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc biên giới phía Bắc (1979 -1989) của quân dân Việt Nam?

- A. Thổ Chu.
- B. Vị Xuyên.**
- C. Tây Ninh.
- D. Hà Tiên.

Câu 8. Sau năm 1975, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm

- A. tất cả các đảo trên Biển Đông.
- B. các đảo và quần đảo thuộc vịnh Thái Lan.
- C. quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.**
- D. các đặc khu kinh tế trên bán đảo Đông Dương.

Câu 9. Việt Nam đã thành lập huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Đà Nẵng.**
- B. Khánh Hoà.
- C. Quảng Ninh.
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 10. Việt Nam đã thành lập huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. **C. Khánh Hoà.** D. Đà Nẵng.

Câu 11. Các cuộc chiến đấu anh dũng của lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia trong năm 1988 đã diễn ra ở các đảo

A. Cô Tô, Cát Bà.

B. Côn Đảo, Phú Quốc.

C. Gạc Ma, Cô Lin.

D. An Bang, Hòn Tre.

Câu 12. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (từ sau tháng 4-1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX) có ý nghĩa nào sau đây?

A. Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực và thế giới.

B. Góp phần vào việc thiết lập một trật tự thế giới mới.

C. Góp phần vào quá trình giải trừ chủ nghĩa thực dân ở châu Á.

D. Chấm dứt được âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là **đúng** về ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (từ sau tháng 4-1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX) ở Việt Nam?

A. Góp phần vào việc thiết lập một trật tự thế giới mới.

B. Góp phần vào quá trình giải trừ chủ nghĩa thực dân ở châu Á.

C. Chấm dứt được âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

D. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

Câu 14. Chủ trương nhất quán của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông là

A. biện pháp hòa bình, tuân thủ luật pháp quốc tế.

B. xây dựng căn cứ hải quân để khẳng định chủ quyền.

C. kiên quyết sử dụng các biện pháp quân sự cứng rắn.

D. đàm phán hòa bình, chia sẻ quyền lợi cho các bên.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những quan điểm chủ đạo của Việt Nam trong việc bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay?

A. Coi ngoại lực là nhân tố quyết định mọi thắng lợi và thành công.

B. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

C. Chỉ chú trọng phát triển sức mạnh của đất nước về văn hoá – xã hội.

D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: kháng chiến và kiến quốc.

Câu 16. Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa?

A. Phát huy yếu tố ngoại lực làm nhân tố quyết định sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

C. Luôn đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao để mở đường cho đấu tranh quân sự.

D. Tăng cường sức mạnh quân sự là biện pháp duy nhất có thể bảo vệ Tổ quốc.

Câu 17. Một trong những bài học được rút ra từ các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay là

A. tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

B. kiên quyết đấu tranh bằng biện pháp quân sự.

C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự.

D. thiết lập quan hệ chiến lược với các nước.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc?

A. Mở ra cục diện vừa đánh, vừa đàm của cuộc chiến.

B. Tư tưởng chiến lược chủ đạo là chủ động tiến công địch.

C. Tính chất là cuộc chiến tranh tự vệ chính đáng của Việt Nam.

D. Huy động tối đa sức mạnh của toàn quân, toàn dân trong cả nước.

Câu 19. Nhân tố nào sau đây là nguồn sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ 1945 đến nay ?

A. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Lao động Việt Nam.

C. Khởi đại đoàn kết của toàn thể dân tộc Việt Nam.

D. Sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các lực lượng tiến bộ.

Câu 20. Trong công cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là

A. nhân tố quyết định

B. nhân tố quan trọng

C. nhân tố tác động

D. yếu tố hỗ trợ.

Câu 21. Một trong những điều kiện cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là

A. độc lập, tự do, dân chủ.

B. hòa bình và hạnh phúc.

C. dân quyền và dân sinh.

D. độc lập và thống nhất.

Câu 22. Bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay vẫn có giá trị to lớn đối với công cuộc xây dựng đất là

A. tăng cường khởi đại đoàn kết toàn dân.

B. liên minh chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc.

C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự.

D. thiết lập quan hệ chiến lược với các nước.

Câu 23. Tổ chức nào sau đây có vai trò đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền đất nước từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay?

A. Ban chấp hành trung ương.

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Hội cựu chiến binh Việt Nam.

D. Ban dân vận Trung ương.

HẾT